

# ÁP DỤNG TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ ĐỂ CHO HƯỞNG ÁN TREO VÀ QUAN ĐIỂM VỀ TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ “GHÉP” TẠI ĐIỂM B, KHOẢN 1, ĐIỀU 46 BỘ LUẬT HÌNH SỰ

HOÀNG ĐẠT NAM \*

*Tóm tắt:* Tác giả bài viết đã phân tích việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho hưởng án treo tại Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trong thực tiễn có hai cách hiểu khác nhau, từ đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị để việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ được dễ dàng và tránh hiểu sai.

*Từ khóa:* Tình tiết giảm nhẹ; án treo; Bộ luật hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là các tình tiết của vụ án hình sự liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự của người phạm tội, có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, phản ánh khả năng cải tạo tốt hoặc hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng. Các tình tiết này có ý nghĩa lớn cả về mặt xã hội và pháp lý. Việc quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã tạo cơ sở pháp lý để thực hiện việc phân hoá và cá thể hoá trách nhiệm hình sự, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam và hiện thực hoá chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước. Nhưng, việc vận dụng các tình tiết giảm nhẹ để cho người phạm tội được hưởng án treo vẫn còn có cách hiểu và vận dụng không thống nhất. Ở một chừng mực nhất định nó cũng đã ảnh hưởng đến quyền lợi của công dân, tính nhân đạo của Pháp luật hình sự Việt Nam.

Trong thời gian qua, các tình tiết giảm nhẹ và hướng dẫn việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để cho người phạm tội được hưởng án treo được quy định ở một số văn bản pháp luật sau:

**Tại Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

*"1. Các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

*a. Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm;*

*b. Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả;*

*c. Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng;*

*d. Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;*

*đ. Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra;*

*e. Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra;*

*g. Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;*

*h. Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;*

*i. Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức;*

(\*) Thẩm phán Tòa án Quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội.

- k. Phạm tội do lạc hậu;  
 l. Người phạm tội là phụ nữ có thai;  
 m. Người phạm tội là người già;  
 n. Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;  
 o. Người phạm tội tự thú;  
 p. Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;  
 q. Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm;  
 r. Người phạm tội đã lập công chuộc tội;  
 s. Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác.

2. Khi quyết định hình phạt, Tòa án còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án.

3. Các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật hình sự quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt<sup>(1)</sup>.

**Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn khoản 2 Điều 46 BLHS, cụ thể tại điểm c mục 5 hướng dẫn:**

Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: Tòa án còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án. Theo các văn bản hướng dẫn trước đây của Tòa án nhân dân tối cao và của Tòa án nhân dân tối cao với các cơ quan hữu quan khác cũng như thực tiễn xét xử trong thời gian qua, thì các tình tiết sau đây được coi là các tình tiết giảm nhẹ khác:

"Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng

một trong các danh hiệu vinh dự như: anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, người mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước;

Bị cáo là thương binh hoặc có người thân thích như vợ, chồng, cha, mẹ, con (con đẻ hoặc con nuôi), anh, chị, em ruột là liệt sỹ;

Bị cáo là người tàn tật do bị tai nạn trong lao động hoặc trong công tác, có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên;

Người bị hại cũng có lỗi;

Thiệt hại do lỗi của người thứ ba;

Gia đình bị cáo sửa chữa, bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo;

Người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong trường hợp chỉ gây tổn hại về sức khỏe của người bị hại, gây thiệt hại về tài sản;

Phạm tội trong trường hợp vì phục vụ yêu cầu công tác đột xuất như đi chống bão, lụt, cấp cứu.

Ngoài ra, khi xét xử, tùy từng trường hợp cụ thể và hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội mà còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án<sup>(2)</sup>.

**Khoản 1 Điều 60 BLHS năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định về án treo:**

"Khi xử phạt tù không quá ba năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, thì

<sup>(1)</sup> Bộ luật hình sự năm 1999. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

<sup>(2)</sup> Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP, ngày 04/8/2000, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

*Toà án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ một năm đến năm năm*"<sup>(3)</sup>.

Ngày 02/10/2007 Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP, tại điểm 6 mục 6.1 đã hướng dẫn về Điều 60 của BLHS năm 1999:

"6.1. Chỉ cho người bị xử phạt tù hưởng án treo khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Bị xử phạt tù không quá ba năm, không phân biệt về tội gì;

c) Có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên và không có tình tiết tăng nặng, trong đó có ít nhất là một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của BLHS. Trường hợp vừa có tình tiết giảm nhẹ vừa có tình tiết tăng nặng, thì tình tiết giảm nhẹ phải nhiều hơn tình tiết tăng nặng từ hai tình tiết trở lên"<sup>(4)</sup>.

Theo các quy định của pháp luật nêu trên, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có thể sắp xếp thành ba nhóm:

*Thứ nhất*, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, nhóm tình tiết giảm nhẹ này có vai trò rất quan trọng trong việc quyết định hình phạt đối với bị cáo. Điều đó thể hiện trong việc tạo ra cho bị cáo cơ hội được áp dụng một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị đưa ra xét xử, nếu bị cáo có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ trong đó có ít nhất một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46.

*Thứ hai*, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS và được cụ thể hoá tại Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: Toà án còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ,

nhưng phải ghi rõ trong bản án. Theo các văn bản hướng dẫn trước đây của Toà án nhân dân tối cao và của Toà án nhân dân tối cao với các cơ quan hữu quan khác cũng như thực tiễn xét xử trong thời gian qua. Nghị quyết đã nêu và liệt kê ra một số tình tiết giảm nhẹ khác để Toà án có căn cứ khi áp dụng khoản 2 (các tình tiết như nêu ở phần trên).

Những tình tiết giảm nhẹ này, tuy không có vai trò như các tình tiết giảm nhẹ quy định ở nhóm thứ nhất, nhưng cũng là căn cứ pháp lý quan trọng để Toà án xem xét việc giảm hình phạt cho bị cáo.

*Thứ ba*, Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP còn nêu "Ngoài ra, khi xét xử, tùy từng trường hợp cụ thể và hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội mà còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án"<sup>(5)</sup>. Đây là các tình tiết giảm nhẹ do Toà án tự xác định trên cơ sở hồ sơ, hoàn cảnh, điều kiện phạm tội và được áp dụng đối với từng bị cáo cụ thể. Quy định này giúp cho Toà án có thể linh động, sáng tạo khi áp dụng pháp luật để khai thác tất cả các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo có nhưng pháp luật chưa quy định, nhằm tránh sự thiệt thòi cho bị cáo. Điều đó là phù hợp với nguyên tắc chung của pháp luật hình sự là áp dụng pháp luật theo hướng "có lợi cho bị cáo". Tuy nhiên, khi pháp luật quy định theo hướng "mở" về thẩm quyền của Toà án, nếu không thận trọng thì có thể dẫn tới việc tùy tiện của chủ thể áp dụng pháp luật. Để có thể xác định đúng đắn tình tiết này, Toà án

<sup>(3)</sup> Bộ luật hình sự năm 1999. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

<sup>(4)</sup> Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP, ngày 02/10/2007, Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

<sup>(5)</sup> Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP, ngày 04/8/2000, Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

cần xuất phát từ những nguyên tắc của pháp luật hình sự là "khoan hồng đối với người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra"<sup>(6)</sup>.

Nguyên tắc khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng, tất cả những tình tiết này chỉ được áp dụng một lần nếu đã là những tình tiết định tội, hay định khung thì không được áp dụng là tình tiết giảm nhẹ hay tăng nặng trách nhiệm hình sự nữa.

Như vậy, án treo chỉ được xem xét, áp dụng khi người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Mặc dù, Bộ luật hình sự không quy định điều kiện để được áp dụng án treo là người phạm tội phải có ít nhất mấy tình tiết giảm nhẹ, nhưng trong Điều 60 BLHS hiện hành có từ "các" được đặt trước "tình tiết giảm nhẹ" và Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã có Nghị quyết hướng dẫn, theo đó một trong những điều kiện được hưởng án treo là có từ "hai" tình tiết giảm nhẹ trở lên và không có tình tiết tăng nặng, trong đó có ít nhất là một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, trường hợp vừa có tình tiết giảm nhẹ, vừa có tình tiết tăng nặng, thì tình tiết giảm nhẹ phải nhiều hơn tình tiết tăng nặng từ hai tình tiết trở lên.

Tuy nhiên, trong thời gian qua việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 46 BLHS để cho người phạm tội được hưởng án treo, trên thực tiễn cũng còn có những quan điểm, cách hiểu khác nhau, cụ thể:

*Quan điểm thứ nhất:* cho rằng một điểm trong khoản 1 Điều 46 BLHS là một tình tiết giảm nhẹ (ví dụ: điểm b khoản 1 quy định "Người phạm tội tự nguyện sửa

chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả" là một tình tiết giảm nhẹ) và phải áp dụng thêm một tình tiết khác nữa ở khoản 1 hoặc ở khoản 2 thì mới đủ điều kiện "có hai tình tiết trở lên" để cho người phạm tội được hưởng án treo.

*Quan điểm thứ hai:* cho rằng các điểm của khoản 1 Điều 46 BLHS có một số điểm trong đó quy định nhiều tình tiết giảm nhẹ (ví dụ: điểm b khoản 1 quy định "Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả", gồm ba tình tiết giảm nhẹ, trong đó "người phạm tội tự nguyện sửa chữa" là một tình tiết, "bồi thường thiệt hại" là một tình tiết và "khắc phục hậu quả" là một tình tiết). Nếu người phạm tội có các tình tiết giảm nhẹ ở điểm này thì không cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khác cũng đủ điều kiện "có hai tình tiết trở lên" để áp dụng cho người phạm tội được hưởng án treo.

Theo quan điểm của chúng tôi thì quan điểm thứ hai là hợp lý cả về lý luận và thực tiễn, ta có thể đi chứng minh bằng việc xem xét cụ thể các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS.

Tại khoản 1 Điều 46 của BLHS, ngoài những tình tiết được quy định độc lập, rõ ràng tại các điểm riêng biệt như ở điểm c "Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng" hay điểm g "Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" hay điểm h "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"..., thì còn có điểm quy định tới ba tình tiết giảm nhẹ, như ở điểm b "Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả".

<sup>(6)</sup> Bộ luật hình sự năm 1999. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

Đây là trường hợp người phạm tội đã gây ra thiệt hại, tức là thiệt hại đã thực tế xảy ra nhưng đã sửa chữa, bồi thường những thiệt hại do mình gây ra cho bên bị thiệt hại hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả của tội phạm. Ta thấy sửa chữa, bồi thường và khắc phục là ba khái niệm có nội dung khác nhau nên có thể nói điểm b khoản 1 quy định tới ba tình tiết giảm nhẹ chứ không phải là một tình tiết giảm nhẹ, nhưng tính chất của các tình tiết này gần giống nhau về bản chất nên được quy định trong cùng một điểm.

Sửa chữa là chữa lại những cái bị hư hỏng. Ví dụ: A gây tai nạn cho B, làm hư hỏng chiếc xe mô tô của B. A đã tự nguyện sửa xe cho B.

Bồi thường là đền bù lại những thiệt hại mà mình đã gây ra cho người khác. Ví dụ: một người trộm cắp chiếc xe mô tô bán lấy tiền tiêu, khi bị phát hiện nhưng cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe bị mất, người phạm tội tự nguyện trả cho chủ xe một khoản tiền trị giá bằng chiếc xe bị mất hoặc mua một chiếc xe tương tự chiếc xe bị mất để trả cho chủ sở hữu. Chỉ những gì không còn nữa mới đặt vấn đề bồi thường. Tuy nhiên, chỉ bồi thường được những thiệt hại về vật chất chứ không bồi thường được những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự. Ví dụ: Đối với những vụ án giết người hay cố ý gây thương tích, nếu người phạm tội tự nguyện đưa cho người bị hại hoặc đại diện của họ một khoản tiền mai táng phí, tiền chữa bệnh... thì đó không phải là bồi thường thiệt hại mà chỉ có thể coi đó là tự nguyện khắc phục hậu quả.

Khắc phục hậu quả là khắc phục những thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do hành vi phạm tội gây nên mà những thiệt hại này không thể bồi thường hay sửa chữa được.

Ví dụ: một người vợ bị giết đã để lại nhiều hậu quả như con nhỏ không người chăm sóc, tiền mai táng, thờ cúng. Nếu người phạm tội tự nguyện khắc phục được những hậu quả đó thì được coi là tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên, không phải khắc phục hết mọi hậu quả thì mới được coi là tình tiết giảm nhẹ mà có thể người phạm tội chỉ khắc phục được một hoặc một số hậu quả cũng có thể là tình tiết giảm nhẹ, khắc phục càng nhiều thì được giảm nhẹ nhiều.

Vì vậy, trước hết cần phải hiểu rằng việc người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại ở một phương diện nào đó cũng là để góp phần phần khắc phục hậu quả đã xảy ra. Tình tiết "người phạm tội tự nguyện sửa chữa" thì đã rõ còn hai tình tiết sau vẫn có những khoảng dấp dính gây ra cách hiểu chưa đúng nên vẫn coi hai tình tiết đó là một tình giảm nhẹ, bồi thường tức là khắc phục hậu quả và ngược lại khắc phục hậu quả là bồi thường thiệt hại.

Phải xem tình tiết "người phạm tội tự nguyện sửa chữa" là tình tiết giảm nhẹ thứ nhất, "tự nguyện bồi thường thiệt hại" là tình tiết thứ hai, "tự nguyện khắc phục hậu quả" là tình tiết thứ ba, và chỉ nên xem tình tiết "tự nguyện khắc phục hậu quả" là tình tiết giảm nhẹ độc lập nếu người phạm tội sau khi tự nguyện bồi thường thiệt hại còn có các hành động tích cực như giúp đỡ nạn nhân vượt qua khó khăn do hậu quả tội phạm để lại nhằm làm giảm nhẹ hậu quả của tội phạm.

Những lập luận và cách giải thích trên đây, sẽ cụ thể hơn, dễ hiểu hơn qua vụ án sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27 tháng 11 năm 2012, Nguyễn Đình S trú tại thôn Lũng Sơn - thị trấn Lim - huyện Tiên Du - tỉnh Bắc Ninh điều khiển xe ô tô khách biển kiểm soát 29LD - 2204 chạy hướng

Quảng Ninh đi Bắc Ninh tốc độ khoảng hơn 60 km/h. Khi đến Km 6+200 Quốc lộ 18A thuộc xã Nam Sơn - thành phố Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh, Nguyễn Đình S do vượt xe mô tô cùng chiều đã lái xe lấn đường sang bên trái, nên đã đâm vào xe mô tô đi ngược chiều biển kiểm soát 29N1 - 8798 do anh Hà Huy T điều khiển (chiếc xe mô tô 29N1- 8798 anh T mượn của bạn là Nguyễn Thanh M). Hậu quả: anh Hà Huy T đã tử vong; xe ô tô, mô tô bị hư hỏng nặng.

Viện kiểm sát quân sự khu vực truy tố Nguyễn Đình S về tội: "*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*" theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra xét thấy bị cáo thực sự ăn năn hối cải và tích cực cùng gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại; người đại diện hợp pháp của người bị hại Hà Huy T bà Trần Thị M tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nghiên cứu nhân thân thấy bị cáo Nguyễn Đình S sinh ra trong một gia đình làm ăn lương thiện, bố mẹ đều làm ruộng; trong quá trình sinh sống tại địa phương luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; chưa có tiền án, tiền sự. Trước khi mở phiên tòa bị cáo S đã tự nguyện sửa chiếc xe mô tô hết 3.000.000 đồng, và gia đình người bị hại đã thoả thuận bồi thường dân sự trong vụ án là 60.000.000 đồng, bao gồm tiền mai táng phí, bù đắp tổn thất về tinh thần... Tòa án đã áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Đình S 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng.

Ở ví dụ trên, ta thấy việc sửa chữa chiếc xe mô tô cho Nguyễn Thanh M là một tình tiết giảm nhẹ có thể xem là tình tiết độc

lập, và việc việc bị cáo S bồi thường một khoản tiền mai táng phí nhằm khắc phục hậu quả là một tình tiết giảm nhẹ độc lập khác. Do đó, S đã có 3 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 2 tình tiết giảm nhẹ ở điểm b "tự nguyện sửa chữa" và "tự nguyện khắc phục hậu quả" và 1 tình tiết giảm nhẹ ở điểm p Điều 46. Nếu không có tình tiết điểm p Điều 46 "người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" thì Tòa án cũng đủ điều kiện để cho bị cáo S hưởng án treo vì đáp ứng được điều kiện có 2 tình tiết giảm nhẹ và ít nhất có 1 tình tiết được quy định ở khoản 1 Điều 46 BLHS.

Nhưng khi áp dụng các tình tiết này ta cần phải chú ý phân biệt làm rõ các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của BLHS. Nếu người phạm tội chỉ tự nguyện sửa chữa thì chỉ xác định người phạm tội đã tự nguyện sửa chữa thiệt hại, không được xác định cả tình tiết bồi thường hoặc khắc phục hậu quả, nếu người phạm tội vừa tự nguyện sửa chữa, vừa tự nguyện bồi thường, vừa tự nguyện khắc phục hậu quả thì phải coi đó là ba tình tiết giảm nhẹ. Những tình tiết này thường xảy ra trong các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

Trước đây theo quan điểm xử lý loại tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ thì chỉ nên cho hưởng án treo trong các trường hợp phổ biến chung như: Tai nạn xảy ra do lỗi hỗn hợp (nạn nhân có lỗi, hoặc do lỗi của người thứ ba)... Những tình tiết như lái xe là người có thành tích trong công tác, sau khi gây tai nạn đã tích cực cứu chữa người bị nạn v.v.... chỉ là những tình tiết giảm nhẹ để vận dụng mức án thấp nhất trong khung hình phạt. Không nên vịn vào những lý do đó để xử dưới mức thấp nhất trong khung hình phạt và cho hưởng án

treo trong trường hợp lỗi hoàn toàn về phía lái xe và hậu quả gây ra thuộc loại nghiêm trọng<sup>(7)</sup>.

Nhưng đây chỉ là kết luận trong ngành Tòa án khi chưa có văn bản pháp luật quy định cụ thể và không có tính bắt buộc chung. Hiện nay, nó không còn phù hợp với thực tiễn bởi vì khi xét xử phải căn cứ vào quy định của pháp luật. Ngày 02/10/2007 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 01/2007/NQ- HĐTP để hướng dẫn cụ thể điều kiện để cho hưởng án treo. Theo đó người phạm tội có đủ điều kiện theo mà pháp luật quy định thì Tòa án có thể xem xét để cho hưởng án treo.

Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho người phạm tội khi quyết định hình phạt, nhất là khi cho người phạm tội hưởng án treo. Cơ quan có thẩm quyền cần làm rõ xem người phạm tội có đủ điều kiện để được hưởng một, hai tình tiết hay cả ba tình tiết giảm nhẹ và không được gộp các tình tiết trên lại làm một tình tiết tránh gây thiệt thòi cho người phạm tội.

Điều 46 BLHS cũng như ở các văn bản pháp luật khác cũng chỉ nêu ra các tình tiết giảm nhẹ mà không quy định một cách hiểu cụ thể là có bao nhiêu tình tiết giảm nhẹ, một tình tiết được quy định ở một điểm hay nhiều tình tiết được quy định ở một điểm. Cho nên, theo chúng tôi riêng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần được tách riêng quy định thành các điểm độc lập hoặc có những hướng dẫn cụ thể thêm của các cơ quan có thẩm quyền về khoản 1 Điều 46 BLHS, theo hướng mỗi điểm là một tình tiết hay có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở một điểm, để dễ dàng áp dụng và cũng tránh hiểu sai, không đúng hoặc không thống nhất của những người làm công tác pháp luật.

Trên đây là một số vấn đề về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cho hưởng án treo trong BLHS Việt Nam, việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ ở điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS để cho người phạm tội được hưởng án treo và quan điểm của chúng tôi có hay không có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định ở cùng một điểm, cụ thể là điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS. Tác giả mong nhận được ý kiến đóng góp, trao đổi của các đồng nghiệp, bạn đọc để có cách hiểu thống nhất cả về lý luận và thực tiễn với mục đích là xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự nói chung và chế định án treo nói riêng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật hình sự năm 1999 - Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.
2. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 - Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội, 2007.
3. Nghị quyết số 01/2000/NQ - HĐTP, ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
4. Nghị quyết số 01/2007/NQ - HĐTP, ngày 02/10/2007 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
5. Lê Văn Luật: *Chế định án treo trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, 2007.
6. Lê Cẩm: *Chế định án treo và mô hình lý luận của nó trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 2 năm 2005.
7. Kết luận của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tại Hội nghị tổng kết công tác ngành năm 1988.
8. Đinh Văn Quế: *Bình luận khoa học BLHS năm 1999 phần chung*, Nxb. thành phố Hồ Chí Minh, năm 2000.

<sup>(7)</sup> Kết luận của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tại Hội nghị tổng kết công tác ngành năm 1988.